

B NG ãI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CCĐ1 Nñm h c : 2012-2013 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 122067201503 - C lĩ thuy t 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671040051	36CCĐ1	Nguy n Vñh Công	08/01/1994				0.0			0.0	0.0	5.5	3.9	3.9	
2	3671041981	36CCĐ1	Nguy n H u C	20/04/1994				2.0			2.0	0.6	4.5	3.2	3.8	
3	3671040118	36CCĐ1	Tr n Vñh Dân	22/07/1994				4.0			4.0	1.2	2.0	1.4	2.6	
4	3671040124	36CCĐ1	Nguy n H ng D ng	18/11/1994				4.0			4.0	1.2	7.0	4.9	6.1	
5	3671040218	36CCĐ1	Nguy n Vñh ã	06/11/1994				2.0			2.0	0.6	4.5	3.2	3.8	
6	3671040055	36CCĐ1	Nguy n Quang ã c	03/12/1994				2.0			2.0	0.6	5.0	3.5	4.1	
7	3671040274	36CCĐ1	VHNg c ã c	04/03/1993				2.0			2.0	0.6	1.0	0.7	1.3	
8	3671040180	36CCĐ1	Ng» Vñh Hai	24/01/1994				6.0			6.0	1.8	5.5	3.9	5.7	
9	3671040080	36CCĐ1	Ph m Trung Hà	04/09/1994				3.0			3.0	0.9	8.0	5.6	6.5	
10	3671040235	36CCĐ1	Bçi Ng c H i	27/10/1994				6.0			6.0	1.8	7.5	5.3	7.1	
11	3671040020	36CCĐ1	ñ inh C»ng H u	18/11/1994				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
12	3671040230	36CCĐ1	Nguy n H u Hi n	01/06/1994				4.0			4.0	1.2	6.0	4.2	5.4	
13	3671042003	36CCĐ1	Nguy n Th Hoan	20/12/1994				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
14	3671040216	36CCĐ1	L i ã nh Hoàng	22/08/1994				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	
15	3671040011	36CCĐ1	VHNg h t Hoàng	06/04/1994				1.0			1.0	0.3	0.0	0.0	0.3	
16	3671040027	36CCĐ1	L ng ã nh Huy	13/07/1994				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	
17	3671040126	36CCĐ1	Mai Th Huy	25/09/1993				3.0			3.0	0.9	3.0	2.1	3.0	
18	3671040178	36CCĐ1	Nguy n Trung Kiên	20/10/1994				0.0			0.0	0.0	1.0	0.7	0.7	
19	3671040221	36CCĐ1	Tr n Bçi Trung Kiên	25/04/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ1 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067201503 - C ấ thuy t 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ	
					L1	L2	L3	L4	L5	L6							
20	3671040079	36CCĐ1	Tr n V ấ	Kiên	15/07/1994				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
21	3671040320	36CCĐ1	Bì n H u	Kha	20/05/1994				7.0			7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	
22	3671040204	36CCĐ1	T ấ nh	Kha	30/05/1994				3.0			3.0	0.9	5.0	3.5	4.4	
23	3671040262	36CCĐ1	Lê Duy	Khang	11/01/1994				2.0			2.0	0.6	4.5	3.2	3.8	
24	3671040086	36CCĐ1	Nguy n Anh	Khang	16/11/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
25	3671040285	36CCĐ1	Tr n Ng» Qu c	Khanh	31/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
26	3671042021	36CCĐ1	Hu nh T n	Lâm	02/10/1994				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	N HP
27	3671040087	36CCĐ1	Tr ng Ho ấ	Lâm	02/09/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
28	3671040033	36CCĐ1	L² V ấ	L u	05/07/1994				4.0			4.0	1.2	1.0	0.7	1.9	
29	3671041954	36CCĐ1	Ću T n	L c	26/10/1994				1.0			1.0	0.3	4.5	3.2	3.5	
30	3671040211	36CCĐ1	Nguy n Th Ng c	Mai	22/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
31	3671040465	36CCĐ1	Nguy n ấ c	M nh	15/04/1992				2.0			2.0	0.6	5.0	3.5	4.1	
32	3671040028	36CCĐ1	Nguy n Ng c H i	My	03/07/1994				3.0			3.0	0.9	3.5	2.5	3.4	
33	3671040213	36CCĐ1	Ho ầ ng Xu ầ n	Nam	28/10/1994				4.0			4.0	1.2	6.5	4.6	5.8	
34	3671040029	36CCĐ1	Nguy n Ng c	Nam	02/07/1994				2.0			2.0	0.6	3.5	2.5	3.1	
35	3671040680	36CCĐ1	Bặ i V ấ	Nhân	05/06/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
36	3671042051	36CCĐ1	Tr n Vi t	Nhân	21/06/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
37	3671040195	36CCĐ1	Ho ầ ng Thi ầ n	Qu c	12/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
38	3671040170	36CCĐ1	Bặ i H u	Quy n	20/02/1992				5.0			5.0	1.5	1.5	1.1	2.6	

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CCĐ1 N h c : 2012-2013 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 122067201503 - C lĩ thuy t 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671040282	36CCĐ1	Nguy n Ph m Mit Shì Bít	Shu	10/08/1994			2.0			2.0	0.6	4.5	3.2	3.8	
40	3671040012	36CCĐ1	H n T n	Sinh	08/10/1991			4.0			4.0	1.2	3.5	2.5	3.7	
41	3671042032	36CCĐ1	Nguy n H ng	S n	16/10/1992			0.0			0.0	0.0	4.5	3.2	3.2	
42	3671040005	36CCĐ1	L u ã c	Toàn	22/11/1994			3.0			3.0	0.9	4.5	3.2	4.1	
43	3671041205	36CCĐ1	Nguy n ã c	Tu n	10/07/1993			3.0			3.0	0.9	1.0	0.7	1.6	
44	3671040162	36CCĐ1	Lê Thanh	Tú	10/04/1993			0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
45	3671041986	36CCĐ1	Lê Minh	Thành	20/05/1994			3.0			3.0	0.9	8.0	5.6	6.5	
46	3671040103	36CCĐ1	Phan V ã	Th ng	17/09/1994			0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
47	3671040196	36CCĐ1	Thì V ã	Thì n	20/02/1994			5.0			5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
48	3671040199	36CCĐ1	Tr n Thanh	Th nh	22/12/1994			0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
49	3671040090	36CCĐ1	Ph m V ã	Thông	05/11/1994			4.0			4.0	1.2	6.5	4.6	5.8	
50	3471010323	36CCĐ1	Nguy n Minh	Thu n	31/03/1992			4.0			4.0	1.2	2.0	1.4	2.6	
51	3671040140	36CCĐ1	Nguy n H u	Th ng	21/06/1993			2.0			2.0	0.6	4.5	3.2	3.8	
52	3671040280	36CCĐ1	Nguy n Quang	Tr i	10/06/1994			3.0			3.0	0.9	4.5	3.2	4.1	
53	3671040147	36CCĐ1	Tr n Quang	Trung	01/06/1993			3.0			3.0	0.9	4.5	3.2	4.1	
54	3671040060	36CCĐ1	Ph m Nh t	Tr ng	26/12/1994			2.0			2.0	0.6	2.0	1.4	2.0	
55	3671040041	36CCĐ1	Tr ng Nguy n ã c	Vinh	12/07/1993			3.0			3.0	0.9	2.5	1.8	2.7	
56	3671040278	36CCĐ1	B ị V ã	V Ơ	04/06/1992			0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
57	3671041645	36CCĐ1	Nguy n Nguy ² n	V Ơ	10/05/1994			0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	

T ñg s : 57 h c sinh sinh vi²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ñg Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Gi" o V Khoa